|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH LAI CHÂU  **SỞ Y TẾ**  Số: /BC-SYT  **(DỰ THẢO)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  *Lai Châu, ngày tháng năm 2024* |
|  |  |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo;**

**học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; người dân tộc thiểu số**

**trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Lai Châu là một tỉnh miền núi đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, dân tộc thiểu số chiếm trên 70% tổng dân số toàn tỉnh. Công tác chính sách, an sinh xã hội, trong đó bảo hiểm y tế (BHYT) là một trong các trụ cột chính của chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước. Trong những năm qua, việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã nhận được nhiều sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh trong công tác cấp thẻ BHYT, cấp chuyển kinh phí ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng kịp thời, đầy đủ góp phần đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh, đưa tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế của tỉnh đạt gần đến mức bao phủ toàn dân.

Số người tham gia BHYT tháng 7/2023 là 395.480 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 82%. Ngày 13/7/2023, HĐND tỉnh Lai Châu ban hành Nghị quyết số 19/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh. Sau 9 tháng triển khai Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND toàn tỉnh có 51.769 người được thụ hưởng chính sách tương ứng với ngân sách địa phương hỗ trợ số tiền là 6.848 triệu đồng; đến 30/4/2024 tỷ lệ bao phủ BHYT là 91,7% tăng gần 10% so với tháng 7/2023, trong đó các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ từ Nghị quyết được cấp thẻ BHYT cụ thể như sau:

- Đối tượng hộ gia đình cận nghèo được cấp thẻ BHYT là 12.660 người với kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ đóng BHYT là 2.084 triệu đồng;

- Đối tượng học sinh được cấp thẻ BHYT là 21.593 người với kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ đóng BHYT là 2.911 triệu đồng;

- Đối tượng hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình được cấp thẻ BHYT là 17.516 người với kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ đóng BHYT là 1.853 triệu đồng.

Tuy nhiên tỷ lệ bao phủ BHYT đề ra tại Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 là 96,15%; Chỉ tiêu bao phủ BHYT đề ra tại Kế hoạch số 2292/KH-UBND ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về thực hiện bao phủ BHYT tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025 các năm 2023, 2024, 2025 lần lượt là 96,1%, 96,15%, 96,2% như vậy năm 2023 không đạt chỉ tiêu đề ra.

Ngày 19/10/2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế làm thay đổi một số quy định về đối tượng, mức đóng dẫn đến một số quy định tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND không còn phù hợp cụ thể như sau:

a, Thay đổi về đối tượng

Thứ nhất: Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định đối tượng tại khoản a Điều 2 là: “*Người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025”*

Nghị định số 75/2023/NĐ-CP sửa đổi thành: “*Người thuộc hộ gia đình nghèo theo chuẩn hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số*[*07/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-07-2021-nd-cp-quy-dinh-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-463908.aspx)*ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn nghèo áp dụng cho từng giai đoạn (sau đây gọi tắt là đối tượng cận nghèo)”.*

Thứ hai: Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định đối tượng tại khoản c Điều 2 là: *“Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy đinh chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*”.

Nghị định số 75/2023/NĐ-CP sửa đổi thành: *“Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số*[*07/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-07-2021-nd-cp-quy-dinh-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-463908.aspx)*và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn”.*

b, Thay đổi về mức hỗ trợ đóng BHYT

Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định đối tượng cận nghèo được hỗ trợ 70% đóng BHYT cho tất cả các đối tượng cận nghèo[[1]](#footnote-1) vì vậy Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định hỗ trợ thêm 30% mức đóng BHYT cho đối tượng cận nghèo; tuy nhiên Nghị định số 75/2023/NĐ-CP quy định *“Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo đang cư trú trên địa bàn các huyện nghèo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền.*

c, Bổ sung đối tượng được hỗ trợ đóng

Nghị định 75/2023/NĐ-CP bổ sung đối tượng được hỗ trợ 70% mức đóng BHYT là đối tượng: “*Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”*

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND nhằm phù hợp với các quy định tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ đóng BHYT cho một số nhóm đối tượng trên địa bàn nhằm triển khai hiệu quả chính sách BHYT, đạt được mục tiêu tổng quát ghi tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương: *“Nâng cao sức khoẻ cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khoẻ…”* và mục tiêu cụ thể: *đến năm 2025 tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tỉ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế giảm còn 35%.*

Thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương, đến năm 2025 tỷ lệ người tham gia BHYT đạt 95% dân số và Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Lai Châu từ năm 2020 đến 2030 tỉnh Lai Châu có trên 96% dân số tham gia BHYT. Để ổn định an ninh, chính trị, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội của tỉnh và thực hiện đạt tỷ lệ bao phủ BHYT theo nghị quyết của Trung ương, của tỉnh đề ra. Đồng thời phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu bao phủ BHYT giai đoạn 2022-2025 được Chính phủ giao tại Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022; Kế hoạch số 2292/KH-UBND thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022 - 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (trong đó chỉ tiêu bao phủ BHYT toàn dân đến năm 2025 đạt 96,2%); Kế hoạch số 381/KH-UBND ngày 09/02/2022 về việc thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ; Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 28/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

Ngày 19/10/2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế làm thay đổi một số quy định về đối tượng, mức đóng dẫn đến một số quy định tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND không còn phù hợp cụ thể như sau:

a, Thay đổi về đối tượng

Thứ nhất: Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định đối tượng tại khoản a Điều 2 là: “*Người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025”*

Nghị định số 75/2023/NĐ-CP sửa đổi thành: “*Người thuộc hộ gia đình nghèo theo chuẩn hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số*[*07/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-07-2021-nd-cp-quy-dinh-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-463908.aspx)*ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn nghèo áp dụng cho từng giai đoạn (sau đây gọi tắt là đối tượng cận nghèo)”.*

Thứ hai: Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định đối tượng tại khoản c Điều 2 là: *“Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy đinh chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*”.

Nghị định số 75/2023/NĐ-CP sửa đổi thành: *“Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số*[*07/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-07-2021-nd-cp-quy-dinh-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-463908.aspx)*và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn”.*

Như vậy theo quy định tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì quy định về đối tượng tại Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND không còn phù hợp, cần ban hành Nghị quyết thay thế để phù hợp với quy định tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

b, Thay đổi về mức hỗ trợ đóng BHYT

Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định đối tượng cận nghèo được hỗ trợ 70% đóng BHYT cho tất cả các đối tượng cận nghèo[[2]](#footnote-2) vì vậy Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định hỗ trợ thêm 30% mức đóng BHYT cho đối tượng cận nghèo; tuy nhiên Nghị định số 75/2023/NĐ-CP quy định *“Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo đang cư trú trên địa bàn các huyện nghèo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền”.*

Như vậy cần ban hành nghị quyết thay thế Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND trong đó chỉ hỗ trợ 30% mức đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo ở các huyện đã thoát khỏi tình trạng nghèo.

c, Bổ sung đối tượng được hỗ trợ đóng

Nghị định 75/2023/NĐ-CP bổ sung đối tượng được hỗ trợ 70% mức đóng BHYT là đối tượng: “*Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.*

Tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP quy định thêm: *“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định: “Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 8 Nghị định này”.*

Lai Châu là một tỉnh miền núi khó khăn, xuất phát điểm thấp, tiềm lực phát triển kinh tế - xã hội có mức độ và thường là những xã vùng sâu, vùng xa, nơi còn khó khăn của tỉnh, của huyện bước đầu được công nhận nông thôn mới người dân cơ bản còn khó khăn, thu nhập chưa ổn định; sự phân hóa giầu, nghèo còn rõ rệt do vậy mặc dù bình quân mức thu nhập đầu người đạt tiêu chí theo quy định tuy nhiên thực tế còn nhiều người dân có thu nhập thấp rất cần sự hỗ trợ của nhà nước, đặc biệt là hỗ trợ mức đóng BHYT từ nguồn ngân sách nhà nước để đảm bảo an sinh xã hội cho người dân tộc thiểu số; để nâng cao tỷ lệ người dân được thụ hưởng chính sách BHYT đề nghị xem xét ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ đóng BHYT bổ sung từ ngân sách địa phương cho đối tượng “*Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.*

Trong hoàn cảnh thu nhập bình quân hộ còn ở mức thấp, trong nhiều năm việc mua thẻ BHYT còn phải phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của nhà nước, do vậy việc tự chi trả kinh phí mua thẻ BHYT đối với một bộ phận người dân chưa mang tính chủ động, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, chưa đảm bảo chăm sóc sức khỏe. Khi bị ốm đau, bệnh tật không có tiền đi khám bệnh, chữa bệnh kịp thời, nhiều trường hợp bệnh nặng mới đến bệnh viện, chi phí khám chữa bệnh tốn kém, thời gian điều trị dài ngày, đây là nguy cơ tái nghèo cao, các thế lực thù địch dễ lợi dụng gây bất ổn an ninh, chính trị, xã hội, đồng thời sẽ tác động đến thành quả của xây dựng nông thôn mới và thực hiện lộ trình mục tiêu BHYT toàn dân của tỉnh.

Trên cơ sở Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế việc xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm giúp người dân có lộ trình dần dần nâng cao nhận thức về chính sách BHYT, thích ứng với việc dành một phần thu nhập để chi phí cho mua thẻ bảo hiểm y tế, góp phần ổn định đời sống và bảo vệ sức khỏe nhân dân, giúp người dân khó khăn có nguồn hỗ trợ kịp thời để tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ bảo hiểm y tế và chăm sóc sức khỏe. Đồng thời đảm bảo chỉ tiêu bao phủ BHYT được giao đến năm 2025 tối thiểu đạt 96,2% theo Quyết định số 546/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; việc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu là rất cần thiết.

Với những nội dung về chính sách hỗ trợ BHYT hiện hành cần phải có thêm chính sách hỗ trợ BHYT cho các nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn như: người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; người dân tộc thiểu số.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ người dân tham gia BHYT được giao tại Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Để phù hợp các nội dung quy định tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP, cần thay thế Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND.

Việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng BHYT đối với một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Lai Châu làm giảm chi phí tự chi trả của người dân. Tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ nhân dân, giảm chi phí y tế cho nhân dân, cho xã hội.

**3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

***3.1. Đối tượng áp dụng***

a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ cận nghèo áp dụng cho từng giai đoạn đang sinh sống tại các huyện thoát khỏi tình trạng nghèo;

b) Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số;

c) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn;

d) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

***3.2. Mức hỗ trợ:***

a, Đối tượng quy định tại điểm a, điểm d mục 3.1 ngoài phần ngân sách Trung ương hỗ trợ 70% mức đóng theo quy định, ngân sách địa phương hỗ trợ thêm 30% mức đóng để mua thẻ BHYT;

b, Đối tượng quy định tại điểm b, điểm c mục 3.1 ngoài phần ngân sách Trung ương hỗ trợ 30% mức đóng theo quy định, ngân sách địa phương hỗ trợ thêm để mua thẻ BHYT, cụ thể như sau:

Năm 2024: Hỗ trợ 30% mức đóng;

Năm 2025 Hỗ trợ 20% mức đóng.

**4.** **Đánh giá tác động sau khi thay thế Nghị quyết.**

***4.1. Đối tượng***

Dự kiến sau khi thay thế Nghị quyết sẽ tác động tăng khoảng 23.014 đối tượng tham gia BHYT; Tỷ lệ bao phủ BHYT tăng tương ứng là 4,6%; Nâng tỷ lệ bao phủ toàn tỉnh dự kiến là 96,3% (dân số năm 2024 theo dự kiến 495.283 người).

***4.2. Kinh phí Ngân sách địa phương (NSĐP)***

- Kinh phí dự toán hỗ trợ các đối tượng theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND: 48.777 triệu đồng (năm 2023: 9.754 triệu; năm 2024: 23.414 triệu và năm 2025: 15.609 triệu đồng).

- Kinh phí dự toán theo Nghị quyết thay thế: 34.671 triệu đồng (đã thực hiện năm 2023: 2.237 triệu đồng. năm 2024: 16.440 triệu, năm 2025: 15.994 triệu đồng và số kinh phí đã sử dụng năm 2023 là).

Như vậy, kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết thay thế sẽ thấp hơn số kinh phí dự toán theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND trong 03 năm (2023 – 2025) là: 14.106 triệu đồng; trong 02 năm (2024-2025) thấp hơn 6.589 triệu đồng.

**5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Kiến nghị áp dụng phương án thay thế Nghị quyết do: giảm số đối tượng không phải tự chi trả tiền đóng BHYT do vậy hiệu quả cao hơn. Số đối tượng tăng tham gia BHYT được xác định cụ thể, nhằm trực tiếp vào các đối tượng đã bị tác động do ảnh hưởng của Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Thời gian thực hiện chính sách thay thế Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND dự kiến từ 01/10/2024.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị thay thế Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Lai Châu được cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lai Châu; Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh. Toàn bộ nội dung báo cáo đánh giá tác động, dự thảo nội dung xây dựng Nghị quyết được Sở Y tế gửi Cổng thông tin điện tử Văn phòng UBND tỉnh đăng tải lên mục “VĂN BẢN DỰ THẢO” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày …. tháng 5 năm 2024 và Sở Y tế cũng đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tại địa chỉ: http://soyte.laichau.gov.vn từ ngày …. tháng 5 năm 2024.

Đến ngày …. tháng 6 năm 2024, Sở Y tế đã nhận được …. ý kiến, kiến nghị đề nghị ban hành chính sách quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng như:

(1) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ cận nghèo áp dụng cho từng giai đoạn đang sinh sống tại các huyện thoát khỏi tình trạng nghèo;

(2) Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số;

(3) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn;

(4) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ có đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Sở Y tế là cơ quan chịu trách nhiệm tham mưu, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện các nội dung của chính sách, về quy trình, thủ tục liên quan.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, nhất là Bảo hiểm xã hội tỉnh là cơ quan phối hợp trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện chính sách và báo cáo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

- Tổ chức đánh giá kết quả về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

5. Sở Tài chính

- Bảo đảm nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các quy định tại Nghị quyết.

- Căn cứ các quy định tại Nghị quyết, quy định của Pháp luật có liên quan, số thực chi chuyển tiền đầy đủ kịp thời cho cơ quan thực hiện.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Chủ động phối hợp với cơ quan quản lý đối tượng kịp thời cấp thẻ BHYT cho các đối tượng thuộc diện hỗ trợ.

- Căn cứ tình hình mua thẻ của các đối tượng, cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ về số người tham gia, số kinh phí sử dụng theo tháng, quý, năm hoặc khi có yêu cầu của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

**V. PHỤ LỤC**

*(Có biểu dự kiến kinh phí chi tiết kèm theo).*

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2024-2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh (b/c);  - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lai Châu;  - Ban VHXH-HĐND;  - Ban Dân tộc;  - Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;  - UBND các huyện, thành phố;  - Lưu: VT, NVY. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Thị Hương** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

1. Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. [↑](#footnote-ref-2)